

Số: 25/QĐ-UBND

Kiên Thọ, ngày 20 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KIÊN THỌ

Căn cứ Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 17/01/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/ĐU ngày 23/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa I, kỳ họp thứ 8 về phương hướng, nhiệm vụ năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của HĐND xã Kiên Thọ, khóa XX, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ 19 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, trưởng phòng Kinh tế, trưởng phòng VHXXH, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- UBND tỉnh (b/c);
- Thường trực Đảng ủy xã (b/c);
- Thường trực HĐND xã (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Các phòng, đơn vị thuộc UBND xã;
- Các cơ quan đơn vị trên địa bàn xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hùng Cường

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội,
bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 20/01/2026
của UBND xã Kiên Thọ)

Năm 2026 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030, là năm tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2026 - 2031. Dự báo, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; ở trong nước, trong tỉnh, có nhiều thời cơ, thuận lợi, song vẫn còn khó khăn, thách thức. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch hành động về việc thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2026; Ban Chấp hành Đảng bộ xã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/ĐU ngày 23/12/2025 về phương hướng, nhiệm vụ năm 2026; HĐND xã ban hành Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

Để tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, kịp thời khắc phục những hạn chế, yếu kém, vượt qua khó khăn, thách thức, phấn đấu hoàn thành thắng lợi toàn diện các mục tiêu, chỉ tiêu năm 2026, UBND xã xây dựng kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026 với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2026

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội, cải thiện đời sống Nhân dân, bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu đạt kết quả cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu (23 chỉ tiêu)

2.1. Chỉ tiêu về kinh tế (11 chỉ tiêu)

- (1) Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn bình quân năm 6,15 %.
- (2) Thu nhập bình quân đầu người/năm đạt 62,4 triệu đồng.
- (3) Tổng sản lượng lương thực bình quân đạt 8.552 tấn.
- (4) Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đạt 138 ha; trong đó, diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao 34 ha.

(5) Giá trị sản phẩm trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 123 triệu đồng.

(6) Tổng đàn gia súc, gia cầm đạt 266.030 con.

(7) Sản lượng nuôi trồng, khai thác thủy sản đạt 85 tấn.

(8) Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước địa phương đạt 33,3 tỉ đồng.

(9) Tỷ lệ tăng thu ngân sách bình quân đạt 6 %.

(10) Số doanh nghiệp mới được thành lập trong năm 05 doanh nghiệp trở lên.

(11) Tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn (không tính quốc lộ, đường Tỉnh) được cứng hóa đạt 81,9 % trở lên.

2.2. Chỉ tiêu về văn hóa - xã hội (08 chỉ tiêu)

(12) Tốc độ tăng dân số bình quân dưới 0,68 %.

(13) Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin 94 %.

(14) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng dân số đạt 95 %.

(15) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 90 %.

(16) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động dưới 50,4 %.

(17) Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn đạt 96,2 %.

(18) Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,37 % (theo chuẩn nghèo mới giai đoạn 2026 - 2030).

(19) Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa đạt 83 % trở lên.

2.3. Chỉ tiêu về môi trường (03 chỉ tiêu)

(20) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 24,8 % trở lên.

(21) Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 98 %.

(22) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt 87 %.

2.4. Chỉ tiêu về an ninh trật tự (01 chỉ tiêu)

(23) Tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự năm 2026 đạt 85 % trở lên.

II. TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH NĂM 2026

1. Chỉ đạo cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã lần thứ I nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chỉ đạo xây dựng kế hoạch, giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, đồng thời tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

2. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong xây dựng, tổ chức giám sát thực hiện quy hoạch; kiên quyết xử lý các vi phạm, không để tình trạng xây dựng trái phép, xây dựng vi phạm hành lang giao thông trên địa bàn xã; quản lý tốt hành lang an toàn lưới điện.

3. Chỉ đạo tiếp tục thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phát triển nông nghiệp toàn diện, năng suất, chất lượng, hiệu quả gắn với thực hiện công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Chỉ đạo sản xuất năm 2026 theo khung thời vụ tốt nhất;

thực hiện ra quân làm thủy lợi mùa khô, đẩy mạnh sản xuất; đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; tập trung nâng cao chất lượng và phát triển sản phẩm OCOP. Chỉ đạo thực hiện tốt các giải pháp phát triển chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; phân đầu tỉ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 98%, tăng thêm 100 hộ dân trở lên được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung.

4. Chỉ đạo tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí xã, thôn NTM; chỉ đạo các thôn thực hiện có hiệu quả Kế hoạch vận động Nhân dân hiến đất mở rộng đường giao thông trên địa bàn xã năm 2026; tiếp tục duy trì xã đạt tiêu chí an toàn thực phẩm; thực hiện kế hoạch về trồng và chăm sóc hàng rào xanh.

5. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án, nhất là các dự án được triển khai xây dựng trong năm 2026 và các dự án chuyển tiếp. Lập kế hoạch giải ngân chi tiết cho từng dự án và kiểm soát tiến độ theo từng tuần, từng tháng, quý.

6. Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2026 bảo đảm đúng kế hoạch. Tổ chức điều hành, kiểm soát chi chặt chẽ bảo đảm đúng theo mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định gắn với chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp thu, tận thu, phân đầu thu ngân sách vượt chỉ tiêu được giao.

7. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản, xây dựng. Chỉ đạo vệ sinh môi trường cảnh quan nông thôn. Chỉ đạo quyết liệt công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện thủ tục hành chính về đất đai theo quy định. Tăng cường sự lãnh đạo của nhà nước đối với công tác quản lý đất đai. Chủ động triển khai các phương án PCTT&TKCN năm 2026. Làm tốt công tác phòng cháy, chữa cháy.

8. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, dân tộc, tôn giáo, chính sách người có công, thực hiện tốt công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm và bảo đảm an sinh xã hội; đẩy mạnh giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động năm 2026. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao tỷ lệ người dân tham gia BHYT, phân đầu tỷ lệ bao phủ BHYT cuối năm đạt 95%. Phân đầu giữ vững xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Phân đầu tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm phòng đạt 94 % trở lên.

9. Chỉ đạo thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chế độ chính sách của Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc và miền núi. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả, bảo đảm tiến độ các dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2026, giai đoạn 2026 - 2030.

10. Chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn; tập trung bồi dưỡng học sinh giỏi để phân đầu tăng số lượng và chất lượng giải cấp tỉnh, quốc gia. Duy trì và nâng cao chất lượng công tác phổ cập giáo dục ở các cấp học; thực hiện tốt Kế hoạch Bình dân học vụ số và xóa mù chữ giai đoạn 2025 - 2030.

11. Chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, hoàn thành xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026. Duy trì công tác tiếp dân thường xuyên đúng quy định; xử lý, giải quyết kịp thời, đúng quy định đơn kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền; tuyên truyền công tác CCHC, sử dụng

dịch vụ công trong giải quyết TTHC...; Đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới; phấn đấu số gia đình văn hóa đạt 83% trở lên. Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội TDTT xã Kiên Thọ lần thứ I năm 2026.

12. Nâng cao chất lượng phục vụ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện tốt Đề án 06 về chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2030 trên địa bàn xã, trọng tâm là tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công và các tiện ích công nghệ phục vụ đời sống hàng ngày. Chỉ đạo siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao ý thức, trách nhiệm và chất lượng tham mưu, giải quyết công việc của các phòng, đơn vị, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ.

13. Chỉ đạo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Thực hiện tốt chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; chủ động lực lượng, phương tiện trực sẵn sàng tham gia phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn năm 2026 và chuẩn bị tốt lực lượng giao quân theo chỉ tiêu giao năm 2027. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan chủ động nắm chắc, dự báo sát tình hình không để xảy ra đột xuất, bất ngờ, hình thành điểm nóng phức tạp về ANTT; tuyên truyền người dân cảnh giác hành vi chiếm đoạt tài sản, lừa đảo trên không gian mạng.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phát triển nông nghiệp toàn diện, năng suất, chất lượng, hiệu quả gắn với công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; thực hiện tốt công tác giảm nghèo.

1.1. Trồng trọt: Phòng Kinh tế tham mưu cho UBND xã xây dựng phương án sản xuất, chỉ đạo sản xuất năm 2026 theo khung thời vụ tốt nhất; đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đạt 138 ha, trong đó diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao 34 ha; tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu giống có giá trị kinh tế cao và phù hợp với nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tiếp tục mở rộng diện tích gieo trồng cây ăn quả như: dưa vàng, cam, bưởi, dứa...; tiếp tục chuyển đổi cơ cấu giống các loại rau màu sang các loại cây có giá trị kinh tế cao gắn với liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm; tập trung ứng dụng khoa học công nghệ, các biện pháp kỹ thuật thâm canh tăng năng suất, sản lượng và chất lượng nông sản; tập trung nâng cao chất lượng và phát triển, nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, tập trung vào các sản phẩm chủ lực có lợi thế gắn với nâng cao chất lượng và phát triển sản phẩm OCOP như: Mật ong, dưa vàng...;

1.2. Chăn nuôi: Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm chăn nuôi chủ lực theo hướng sản xuất tập trung, quy mô lớn, ứng dụng khoa học công nghệ, theo chuỗi giá trị, đồng thời đẩy mạnh chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi truyền thống theo hướng trang trại, gia trại của các HTX, hộ gia đình, đối với lợn, gia cầm tập trung hướng dẫn chăn nuôi theo quy trình khép kín và an toàn sinh học; nâng cao năng lực kiểm soát dịch bệnh; tăng cường công tác kiểm soát chất lượng vật tư và an toàn

thực phẩm sản phẩm chăn nuôi, nhất là vấn đề kiểm soát ô nhiễm vi sinh vật, tồn dư chất cấm, lạm dụng kháng sinh và hóa chất trong chăn nuôi, thú y, giết mổ, chế biến thực phẩm.

1.3. Lâm nghiệp: Phòng Kinh tế tham mưu cho UBND xã tập trung thực hiện có hiệu quả phát triển và bảo vệ rừng, quyết liệt các giải pháp trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; phát triển lâm nghiệp gắn với nâng cao giá trị kinh tế rừng sản xuất; đẩy mạnh trồng rừng gỗ lớn, chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng tăng cây đa tác dụng, đa mục tiêu, cây có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao; khuyến khích các cơ sở chế biến liên kết để phát triển các vùng nguyên liệu tập trung gắn với cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC), tạo thành chuỗi trong sản xuất lâm nghiệp, nâng cao năng suất, giá trị gia tăng sản phẩm lâm nghiệp; triển khai có hiệu quả chương trình hỗ trợ, liên kết trồng rừng với các doanh nghiệp chế biến gỗ trong và ngoài xã.

1.4. Công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai: Phòng Kinh tế chủ động tham mưu cho UBND xã, tăng cường thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán và phòng, chống ngập úng, bảo đảm nguồn nước sinh hoạt, chăn nuôi, sản xuất nông nghiệp; phối hợp với các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi tăng cường công tác kiểm tra các công trình thủy lợi, có kế hoạch duy tu bảo dưỡng, sửa chữa các hư hỏng, bảo đảm an toàn cho các công trình để phục vụ sản xuất của Nhân dân trong xã; củng cố, đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng về thủy lợi để nâng cao năng lực, khả năng chống chịu với thiên tai.

1.5. Công tác giảm nghèo: Phòng Kinh tế tham mưu xây dựng kế hoạch của UBND xã, thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, lồng ghép các nguồn lực, chương trình hỗ trợ, chính sách, tuyên truyền, hướng dẫn người dân phát triển sinh kế, chuyển đổi mô hình sản xuất phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo cuối năm giảm 1,37 % (theo chuẩn nghèo mới giai đoạn 2026 - 2030).

2. Công tác xây dựng NTM

Phòng Kinh tế tham mưu cho UBND xã tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí xã, thôn NTM. Chỉ đạo các thôn thực hiện có hiệu quả Kế hoạch vận động Nhân dân hiến đất mở rộng đường giao thông trên địa bàn xã năm 2026; xây dựng và triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch về trồng và chăm sóc hàng rào xanh.

3. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường. Chỉ đạo quyết liệt, đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và thực hiện thủ tục hành chính về đăng ký đất đai cho Nhân dân, từng bước tháo gỡ những khó khăn vướng mắc liên quan đến quyền sử dụng đất.

3.1. Phòng Kinh tế:

- Chủ động tham mưu cho UBND xã xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai trên địa bàn xã, kịp thời chấn chỉnh các thôn nếu để xảy ra tình trạng buông lỏng quản lý đất đai, khoáng sản, môi trường, phát sinh các vi phạm, tái vi phạm.

- Khẩn trương tham mưu cho UBND xã ban hành kế hoạch triển khai, thực

hiện công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã năm 2026. Đồng thời tham mưu cho UBND xã trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch; kiểm tra, hướng dẫn, theo dõi đơn đốc tiến độ thực hiện, kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền hoặc báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết những nội dung vượt thẩm quyền. Tập trung xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất khi có kết quả trích đo.

- Phối hợp chặt chẽ với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Trung tâm phục vụ hành chính công trong việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận theo trình tự quy định. Tổng hợp, phân loại, thống kê kết quả tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận.

- Kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền, báo cáo UBND xã để chỉ đạo giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền.

3.2. Các thôn trên địa bàn xã.

Tăng cường công tác theo dõi việc sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn; áp dụng các biện pháp cần thiết để phát hiện sớm, ngăn chặn và kịp thời báo cáo UBND xã. Trên cơ sở kế hoạch cấp giấy chứng nhận đất năm 2026 của UBND xã, tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện kê khai, đăng ký tất cả các thửa đất đang quản lý, sử dụng nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, cung cấp các giấy tờ liên quan đến thửa đất (nếu có).

4. Tập trung thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp; huy động sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội. Chỉ đạo thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp tăng thu, chống thất thu ngân sách, bảo đảm hoàn thành kế hoạch thu ngân sách Nhà nước năm 2026; quản lý chặt chẽ chi ngân sách Nhà nước theo quy định.

4.1. Về thu ngân sách nhà nước:

- Phòng Kinh tế chủ động phối hợp với Thuế cơ sở 10 tổ chức triển khai thực hiện thu ngân sách theo quy định; thường xuyên rà soát và kiểm tra công tác quản lý thu, tập trung đơn đốc và xử lý các nguồn thu còn tồn đọng để tăng thu ngân sách; đặt nhiệm vụ thu ngân sách là nhiệm vụ quan trọng để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo bảo đảm hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước được giao năm 2026, tỷ lệ tăng thu ngân sách đạt 6% trở lên.

- Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện tốt công tác rà soát quỹ đất, tài sản gắn liền với đất do UBND xã quản lý. Tập trung và đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác đấu giá, cho thuê đất, thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất đối với những khu vực phù hợp quy hoạch, góp phần tăng thêm nguồn lực cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng.

4.2. Về chi ngân sách xã:

Đơn đốc các chủ đầu tư tập trung thực hiện các nhiệm vụ nhằm đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án và giải ngân các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2025 chuyển tiếp sang năm 2026 và các dự án mới thuộc kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026.

- Phòng Kinh tế thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án; đối với những dự án thực hiện không đúng tiến độ phải kịp thời quyết

định hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh để chuyển vốn cho những dự án có tiến độ triển khai nhanh, có khả năng hoàn thành trong năm 2026 nhưng chưa được bố trí đủ vốn; tổng hợp đánh giá ước tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2026; xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030.

- Các đơn vị thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán được giao; tổ chức điều hành, kiểm soát chi chặt chẽ bảo đảm đúng theo mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định gắn với chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên; không được sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu, kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách để chi trả cho các hoạt động chi thường xuyên của đơn vị; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; triệt để tiết kiệm các khoản chi chưa thực sự cấp thiết, các khoản kinh phí tổ chức hội nghị, công tác phí. Ưu tiên dành nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm các nhiệm vụ về an ninh - quốc phòng, các nhiệm vụ chi quan trọng thiết yếu; quản lý chặt chẽ việc sử dụng tài sản công.

5. Tập trung phát triển công nghiệp - xây dựng. Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường; xử lý nghiêm các hành vi buôn lậu, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã. Tiếp tục khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đầu tư các trang thiết bị tiên tiến trên cơ sở những ngành nghề đã có để tạo ra các sản phẩm hàng hóa có giá trị cao, mở rộng thị trường, nâng cao hiệu quả cạnh tranh, phát triển ngành nghề nông thôn gắn với các chương trình, dự án phù hợp với thị trường và vùng nguyên liệu.

- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình sản xuất công nghiệp để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, gia tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Phối hợp với Đội quản lý Điện lực Khu vực Ngọc Lặc - Lang Chánh thực hiện cải tạo, nâng cấp hệ thống điện hoặc đề xuất với ngành điện thực hiện đầu tư, bảo đảm cung cấp đủ điện cho hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp và sinh hoạt của Nhân dân. Quan tâm giải quyết những đề xuất kiến nghị của cử tri liên quan đến lĩnh vực điện.

- Phòng Kinh tế chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan tham mưu cho UBND xã:

+ Tiếp tục thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh, khai thác các chợ; thúc đẩy mô hình xã hội hóa.

+ Tiếp tục tham mưu đẩy mạnh cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"; khuyến khích tiêu thụ nguyên vật liệu xây dựng sản xuất trong xã để thi công các công trình trên địa bàn.

- Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, các quy định của tỉnh về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng; quản lý nhà nước về quy hoạch

xây dựng. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn; kiên quyết xử lý dứt điểm các công trình vi phạm quy hoạch xây dựng, xây dựng sai phép, xây dựng không có giấy phép trên địa bàn để nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý của chính quyền địa phương.

6. Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế; thực hiện tốt công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

6.1. Về Giáo dục và Đào tạo

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, giáo viên. Giữ vững ổn định tình hình, duy trì tốt hoạt động dạy và học ở các nhà trường như hiện nay; chỉ đạo các nhà trường hoàn thành các tiêu chí đề nghị công nhận lại trường đạt chuẩn Quốc gia (Trường Mầm non Phúc Thịnh, Trường Tiểu học Phúc Thịnh).

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện hiệu quả việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo ở tất cả các bậc học.

- Tăng cường công tác phụ đạo, bồi dưỡng học sinh. Thực hiện việc giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho từng khối, lớp, đơn vị trường học, từ đó tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, phân đầu tốp đầu khu vực miền núi.

- Tập trung đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, xây dựng khuôn viên các nhà trường theo hướng Xanh - Sạch - Đẹp - Hiện đại.

6.2. Văn hóa - Thông tin

- Chỉ đạo duy trì và phát triển các hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn xã, đẩy mạnh hoạt động thể dục thể thao cơ sở thông qua cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, kết hợp với các tổ chức các hoạt động hội thao nhân các ngày lễ hội, hội thao quần chúng trên địa bàn xã. Phòng Văn hóa - xã hội tham mưu cho UBND xã tổ chức thành công Đại hội TDTT lần thứ I.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm cung ứng dịch vụ công, kịp thời đưa tin các sự kiện chính trị - kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh của xã.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”; Chỉ đạo, hướng dẫn các thôn hoàn thành các chỉ tiêu “gia đình văn hóa”, “khu dân cư văn hóa” năm 2026.

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác thông tin, tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả công tác chuyển đổi số theo Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 25/11/2025 của UBND xã.

- Thực hiện tốt công tác quản lý Lễ hội trên địa bàn, đặc biệt trong dịp Tết Nguyên đán năm 2026; thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình theo kế hoạch.

6.3. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác y tế

- Tiếp tục nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân. Làm tốt công tác quản lý các Cơ sở hành nghề Y trên địa bàn xã.
- Thực hiện tốt công tác y tế dự phòng theo phương châm tích cực, tăng cường giám sát tình hình các loại dịch bệnh, chủ động phòng ngừa, không để dịch lớn xảy ra.
- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các Trạm y tế tiếp tục xây dựng xã đạt chuẩn quốc gia về y tế theo chuẩn mới.
- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ về an toàn thực phẩm năm 2026. Đẩy mạnh việc tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình, phấn đấu năm 2026 tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 95%.

6.4. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác lao động, người có công và an sinh xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm, đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động; huy động đa dạng các nguồn lực để chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất và tinh thần của người có công, bảo đảm an sinh xã hội.

6.5. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Tổ chức triển khai kịp thời, đúng quy định các chủ trương của Đảng, các chế độ chính sách của Nhà nước với đồng bào dân tộc và miền núi, người có uy tín theo kế hoạch. Thực hiện có hiệu quả, bảo đảm tiến độ kế hoạch Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc và miền núi năm 2026.

6.6. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác hộ tịch. Đẩy mạnh công tác tổ chức thi hành pháp luật, gắn với triển khai hiệu quả Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật để từ đó nâng cao nhận thức về pháp luật cho Nhân dân.

7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường công tác phòng chống tham nhũng; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

7.1. Công tác quản lý nhà nước, kỷ luật, kỷ cương hành chính:

Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quản lý việc thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; tăng cường kiểm tra việc tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các phòng, cơ quan, đơn vị. Việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính trong sạch, liêm chính, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Cụ thể hóa các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính trong từng lĩnh vực; xác định rõ kết quả, thời gian hoàn thành, phân công rõ trách nhiệm cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, bảo đảm tiến độ và chất lượng.

- Thực hiện có hiệu quả về đẩy mạnh cải cách hành chính; trọng tâm là: tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường công khai minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng phục vụ của Trung tâm Phục

vụ hành chính công, tăng cường trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ và nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

- Chỉ đạo thực hiện việc niêm yết công khai, kịp thời, đầy đủ các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, trên Trang thông tin điện tử theo quy định tại các nhà văn hóa thôn. Thực hiện tốt quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo quy định, chỉ đạo thực hiện bảo đảm tỷ lệ hồ sơ trực tuyến và hồ sơ trực tuyến toàn trình.

7.2. Công tác phòng chống tham nhũng:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng chống tham nhũng. Chỉ đạo, thực hiện tốt các giải pháp phòng ngừa tham nhũng theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát, phòng ngừa, chủ động phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm, đúng pháp luật các hành vi tham nhũng; đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi quản lý.

7.3. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo:

- Tiếp tục quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh

- Tập trung thực hiện có hiệu quả Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo.

- Tăng cường công tác tiếp dân theo quy định Luật Tiếp công dân, dành thời gian đối thoại với công dân.

- Tập trung rà soát các đơn còn tồn đọng, kéo dài, chỉ đạo xử lý đơn và giải quyết kịp thời các khiếu nại, kiến nghị phát sinh thuộc thẩm quyền, đặc biệt là trong lĩnh vực cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, môi trường...

8. Thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự - quốc phòng; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

8.1. Quân sự - quốc phòng:

- Ban chỉ huy quân sự xã duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, nắm chắc tình hình địa bàn; chuẩn bị lực lượng, phương tiện sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự; xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ, Dự bị động viên bảo đảm số lượng, chất lượng; tham gia đầy đủ tập huấn, huấn luyện theo kế hoạch; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo quy định; hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân năm 2026, triển khai công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2027. Tiếp tục thực hiện tốt công tác chính sách theo Thông tư số 103/2025/TT-BQP của Bộ Quốc phòng về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách.

8.2. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội:

- Công an xã chủ động nắm chắc tình hình ANTT, kịp thời phát hiện và giải quyết những vấn đề phát sinh tại cơ sở, không để xảy ra phức tạp nổi cộm. Bảo

đảm an ninh trên các tuyến, lĩnh vực trọng điểm. Huy động tối đa lực lượng, tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch, phương án phòng, chống tội phạm, trong đó tập trung tấn công, trấn áp các loại tội phạm về hình sự, ma túy, kinh tế, môi trường, không để xảy ra trọng án trên địa bàn xã.

- Đẩy mạnh công tác quản lý hành chính về TTXH; tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân chấp hành các quy định của pháp luật trên lĩnh vực quản lý hành chính về TTXH, tăng cường kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp kinh doanh có điều kiện vi phạm pháp luật.

- Tham mưu cho UBND xã quản lý chặt chẽ người chấp hành án hình sự tại cộng đồng, không để tái phạm tội.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, Nhân dân trên địa bàn xã về công tác PCCC và CNCH; tăng cường kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm theo quy định; không để xảy ra cháy, nổ gây hậu quả nghiêm trọng.

- Tổ chức vận động thu hồi vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự ATGT, trật tự công cộng. Giảm thiểu tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí: số vụ, số người chết và người bị thương. Huy động tối đa lực lượng tổ chức kiểm tra, kiểm soát bảo đảm trật tự ATGT, xử lý vi phạm; ra mắt mô hình trường học ATGT tại Trường THPT Lê Lai theo kế hoạch đã ban hành, duy trì hoạt động có hiệu quả.

- Nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT, phát huy hiệu quả hoạt động của các mô hình tự quản về ANTT. Tổ chức tốt các hoạt động Ngày hội Toàn dân bảo vệ ANTT năm 2026.

- Tiếp nhận, giải quyết 100% tin báo tố giác tội phạm, điều tra, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trường các phòng, đơn vị, các thôn, làng căn cứ kế hoạch này, tổ chức quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, đảng viên; khẩn trương ban hành kế hoạch của đơn vị mình để triển khai thực hiện; đối với các chỉ tiêu chủ yếu được giao nhiệm vụ phải xây dựng kế hoạch chi tiết, trong đó, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và phân công cụ thể cho từng tập thể, cá nhân có liên quan thực hiện, bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu đề ra.

2. Các phòng, đơn vị, các thôn chủ động triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ thuộc đơn vị mình; nắm chắc tình hình, kịp thời tham mưu đề xuất, triển khai thực hiện các giải pháp, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu đã được Đảng ủy, HĐND xã quyết nghị. Người đứng đầu và tập thể lãnh đạo các phòng, đơn vị; trưởng thôn, làng phải chịu trách nhiệm trước UBND xã, Chủ tịch UBND xã về kết quả thực hiện chỉ tiêu được giao.

3. Phân công hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Phòng Kinh tế chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chỉ tiêu chủ yếu tại Phụ lục: 01, 02, 03, 04, 05, 08, 09, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18.

- Phòng Văn hóa - xã hội chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện

chỉ tiêu chủ yếu tại Phụ lục: 06, 07, 10, 19.

- Công an xã chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ về công tác an ninh, trật tự.

- Ban chỉ huy Quân sự xã chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ về công tác quốc phòng.

4. Giao Văn phòng HĐND và UBND xã thường xuyên đôn đốc các phòng chuyên môn, các đơn vị, các thôn, làng triển khai thực hiện các công việc được giao, định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND xã.

V. GIAO CHỈ TIÊU CỤ THỂ CHO CÁC ĐƠN VỊ

1. Giao chỉ tiêu tích tụ, tập trung đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại Phụ lục 01.

2. Giao chỉ tiêu phát triển chăn nuôi tại Phụ lục 02.

3. Giao chỉ tiêu nuôi trồng và khai thác thủy sản tại Phụ lục 03.

4. Giao chỉ tiêu thành lập doanh nghiệp tại Phụ lục 04

5. Giao chỉ tiêu cứng hóa đường giao thông tại Phụ lục 05.

6. Giao chỉ tiêu tỷ lệ dân số tham gia BHYT tại Phụ lục 06.

7. Giao chỉ tiêu tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động tại Phụ lục 07

8. Giao chỉ tiêu tỷ lệ gia đình có nhà ở đạt chuẩn tại Phụ lục 08.

9. Giao chỉ tiêu giảm nghèo tại Phụ lục 09.

10. Giao chỉ tiêu tỷ lệ văn hóa, khu dân cư văn hóa tại Phụ lục 10.

11. Giao chỉ tiêu tỷ lệ dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh tại Phụ lục 11

12. Giao chỉ tiêu tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom xử lý tại Phụ lục 12.

13. Giao chỉ tiêu diện tích, năng suất các cây trồng chủ yếu tại Phụ lục 13.

14. Giao chỉ tiêu xây dựng trường chuẩn Quốc gia tại Phụ lục 14

15. Giao chỉ tiêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu tại Phụ lục 15

16. Giao chỉ tiêu trồng hàng rào xanh Phụ lục 16.

17. Giao chỉ tiêu hiến đất mở đường giao thông tại Phụ lục 17.

18. Giao chỉ tiêu nạo vét, khơi thông cống rãnh, phát quang bụi tràm dọc các tuyến đường làng năm 2026; nạo vét kênh mương, hồ, đập Phụ lục 18a, 18b.

19. Giao chỉ tiêu chữ ký số tại Phụ lục 19.

BẢNG TỔNG HỢP CHUNG CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026)

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Lãnh đạo UBND xã trực tiếp chỉ đạo	Phòng, đơn vị chủ trì tham mưu
	Tổng cộng				
I	Về kinh tế (11 chỉ tiêu)				
1	Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn bình quân hằng năm	%	6,15	- Chủ tịch chỉ đạo chung - Phó Chủ tịch Trịnh Đình Lợi chỉ đạo nội dung	Phòng Kinh tế
2	Thu nhập bình quân đầu người/năm	triệu đồng	62,4	- Chủ tịch chỉ đạo chung - Phó Chủ tịch Trịnh Đình Lợi chỉ đạo nội dung	Phòng Kinh tế
3	Tổng sản lượng lương thực bình quân hằng năm	Tấn	8,552	Phó Chủ tịch Trịnh Đình Lợi	Phòng Kinh tế
4	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn ứng dụng công nghệ cao	ha	138	Phó Chủ tịch Trịnh Đình Lợi	Phòng Kinh tế
	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao	ha	34		
5	Giá trị sản phẩm trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản	triệu đồng	123	Phó Chủ tịch Trịnh Đình Lợi	Phòng Kinh tế
6	Tổng đàn gia súc, gia cầm: Trong đó		266,030	Phó Chủ tịch Trịnh Đình Lợi	Phòng Kinh tế
	+ Đàn trâu	Con	1,010		
	+ Đàn bò	Con	20		
	+ Đàn lợn	Con	15,000		
	+ Đàn gia cầm	Con	250,000		
7	Sản lượng nuôi trồng khai thác thủy sản	Tấn	85.0	Phó Chủ tịch Trịnh Đình Lợi	Phòng Kinh tế
8	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước địa phương	Tỷ đồng	33,3	- Chủ tịch chỉ đạo chung - Phó Chủ tịch Trịnh Đình Lợi chỉ đạo nội dung	Phòng Kinh tế
9	Tỷ lệ tăng thu ngân sách bình quân hằng năm	%	6.0	- Chủ tịch chỉ đạo chung - Phó Chủ tịch Trịnh Đình Lợi chỉ đạo nội dung	Phòng Kinh tế
10	Số doanh nghiệp mới được thành lập	DN	5.0	Phó Chủ tịch Trịnh Đình Lợi	Phòng Kinh tế
11	Tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn được cứng hoá	%	81,9	Phó Chủ tịch Trịnh Đình Lợi	Phòng Kinh tế
II	Về văn hóa xã hội (08 chỉ tiêu)				
12	Tốc độ tăng dân số bình quân hằng năm	%	0,68	Phó Chủ tịch Lê Văn Dũng	Phòng Văn hóa - XH
13	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	94.0	Phó Chủ tịch Lê Văn Dũng	Phòng Văn hóa - XH
14	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT trên tổng số dân	%	95.0	Phó Chủ tịch Lê Văn Dũng	Phòng Văn hóa - XH
15	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	90.0	Phó Chủ tịch Lê Văn Dũng	Phòng Văn hóa - XH

16	Tỷ lệ lao động động nông nghiệp trong tổng lao động	%	50,4	Phó Chủ tịch Lê Văn Dũng	Phòng Văn hóa - XH
17	Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn	%	96,2	Phó Chủ tịch Trịnh Đình Lợi	Phòng Kinh tế
18	Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm	%	1,37	Phó Chủ tịch Trịnh Đình Lợi	Phòng Kinh tế
19	Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hoá	%	83	Phó Chủ tịch Lê Văn Dũng	Phòng Văn hóa - XH
III	Về môi trường (03 chỉ tiêu)				
20	Tỷ lệ che phủ rừng	%	24,8	Phó Chủ tịch Trịnh Đình Lợi	Phòng Kinh tế
21	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	98	Phó Chủ tịch Trịnh Đình Lợi	Phòng Kinh tế
22	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	%	87	Phó Chủ tịch Trịnh Đình Lợi	Phòng Kinh tế
IV	An ninh trật tự (01 chỉ tiêu)				
23	- Tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự hằng năm	%	85	Phó Chủ tịch Trịnh Đình Lợi	Công an xã

Phụ lục 01**CHỈ TIÊU DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP ĐƯỢC TÍCH TỤ, TẬP TRUNG ĐỂ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP QUY MÔ LỚN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO NĂM 2026***(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026)***Đơn vị tính: Ha**

TT	Đơn vị	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn ứng dụng công nghệ cao	
		Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn ứng dụng công nghệ cao	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao
Toàn xã		138	34
1	Làng Ngã Ba	3	
2	Làng Trạc	6	
3	Làng Quên	6	
4	Làng Bái	2	
5	Làng Sòng	5	
6	Làng Cò Mót	1	1
7	Làng Miềng	5	
8	Làng Bào	4	
9	Ba Si		
10	Thành Sơn	12	
11	Làng 11	12	4
12	Đức Thịnh	3	
13	Đội 1	15	10
14	Kiên Minh		
15	Thành Công	2	2
16	Thống Nhất	10	2
17	Xuân Thành	3	3
18	Thọ Liên		
19	Thọ Phú	15	9
20	Minh Hòa	6	3
21	Minh Lãi	5	
22	Mũi	5	
23	Chu	5	
24	Hạ	3	
25	Cốc	5	
26	Thượng	5	

Phụ lục 02:**GIAO CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI NĂM 2026**

(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội,
bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026)

Đơn vị tính: Con

TT	Đơn vị	KH năm 2026				Ghi chú
		Đàn trâu	Đàn bò	Đàn lợn	Đàn gia cầm	
TỔNG ĐÀN: 266.030		1.010	20	15.000	250.000	Đối với tổng đàn gia cầm tính cộng chu kỳ chăn nuôi. Đối với tổng đàn lợn tính cộng chu kỳ chăn nuôi (gồm lợn của các C.ty đóng trên địa bàn xã)
1	Làng Ngã Ba	18		95	5.500	
2	Làng Trạc	32		10.500	6.200	
3	Làng Quên	38		120	4.100	
4	Làng Bái	45		500	6.800	
5	Làng Sòng	18		210	12.100	
6	Làng Cò Mót	26	3	60	4.300	
7	Làng Miềng	94		60	9.300	
8	Làng Bào	38		250	9.600	
9	Ba Si			20	700	
10	Thành Sơn	84		250	16.800	
11	Làng 11	46	2	210	15.100	
12	Đức Thịnh	85	3	250	11.300	
13	Đội 1	10	3	40	5.500	
14	Kiên Minh	38		310	9.700	
15	Thành Công	40		150	8.600	
16	Thống Nhất	30	4	140	11.000	
17	Xuân Thành	58		740	19.500	
18	Thọ Liên	30		150	12.000	

19	Thọ Phú	30		350	31.100
20	Mình Hòa	50	3	90	5.500
21	Mình Lải	45	2	85	6.200
22	Mũi	30		105	6.500
23	Chu	32		50	8.300
24	Hạ	20		90	8.500
25	Cốc	45		80	8.400
26	Thượng	28		95	7.400

Phụ lục 03:**GIAO CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG NUÔI TRỒNG, KHAI THÁC THỦY SẢN NĂM 2026**

((Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội,
bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026))

Đơn vị tính: Tấn

TT	Đơn vị	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
Toàn xã		85	
1	Làng Ngã Ba	1,0	
2	Làng Trạc	2,8	
3	Làng Quên	2,5	
4	Làng Bái	1,7	
5	Làng Sòng	2,1	
6	Làng Cò Mót	1,0	
7	Làng Miềng	2,0	
8	Làng Bào	3,0	
9	Ba Si	0,8	
10	Thành Sơn	3,0	
11	Làng 11	3,5	
12	Đức Thịnh	2,7	
13	Đội 1	2,5	
14	Kiên Minh	2,1	
15	Thành Công	3,8	
16	Thống Nhất	2,0	
17	Xuân Thành	3,7	
18	Thọ Liên	3,3	
19	Thọ Phú	4,5	
20	Minh Hòa	5,1	
21	Minh Lãi	4,7	
22	Mũi	2,5	
23	Chu	5,2	
24	Hạ	5,1	
25	Cốc	6,2	
26	Thượng	8,2	

Phụ lục 04:

GIAO CHỈ TIÊU SỐ DOANH NGHIỆP THÀNH LẬP MỚI NĂM 2026
*((Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội,
 bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026))*

Đơn vị tính: DN

TT	Đơn vị	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
	Toàn xã	5	
1	Làng Ngã Ba		
2	Làng Trạc		
3	Làng Quên		
4	Làng Bái		
5	Làng Sòng		
6	Làng Cò Mót		
7	Làng Miềng		
8	Làng Bào		
9	Ba Si	4	
10	Thành Sơn		
11	Làng 11		
12	Đức Thịnh		
13	Đội 1		
14	Kiên Minh		
15	Thành Công		
16	Thống Nhất		
17	Xuân Thành		
18	Thọ Liên		
19	Thọ Phú	1	
20	Minh Hòa		
21	Minh Lải		
22	Mui		
23	Chu		
24	Hạ		
25	Cốc		
26	Thượng		

Phụ lục 05:**GIAO CHỈ TIÊU CỨNG HÓA ĐƯỜNG GIAO THÔNG NĂM 2026**

(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026)

TT	Đơn vị	Km làm mới	Tỷ lệ đến hết năm 2026	Ghi chú
Toàn xã		0,9	81,9%	
1	Làng Ngã Ba		75,38	
2	Làng Trạc		77,21	
3	Làng Quên	0,1	84,55	
4	Làng Bái		90,36	
5	Làng Sòng		69,23	
6	Làng Cò Mót		75,38	
7	Làng Miềng		84,57	
8	Làng Bào		77,14	
9	Ba Si		100	
10	Thành Sơn	0,15	88,51	
11	Làng 11	0,15	87,07	
12	Đức Thịnh	0,1	86,11	
13	Đội 1		100	
14	Kiên Minh	0,15	84,53	
15	Thành Công		88,43	
16	Thống Nhất		90,26	
17	Xuân Thành		77,48	
18	Thọ Liên	0,1	94,69	
19	Thọ Phú		83,20	
20	Minh Hòa		62,59	
21	Minh Lãi		84,12	
22	Mui	0,15	78,46	
23	Chu		87,84	
24	Hạ		71,01	
25	Cốc		82,32	
26	Thượng		81,99	

Phụ lục 06:**GIAO CHỈ TIÊU DÂN SỐ THAM GIA BHYT NĂM 2026**

(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026)

TT	Đơn vị	Tổng dân số	Chỉ tiêu năm 2026	
			Tổng số người tham gia BHYT	Tỷ lệ tham gia BHYT (%)
I. Các thôn, làng		21.953	20.899	95
1	Làng Ngã Ba	354	336	95
2	Làng Trạc	569	546	96
3	Làng Quên	584	555	95
4	Làng Bái	395	375	95
5	Làng Sòng	451	428	95
6	Làng Cò Mót	435	413	95
7	Làng Miềng	622	591	95
8	Làng Bào	843	801	95
9	Thôn Ba Si	773	750	95
10	Thôn Thành Sơn	1.988	1.889	95
11	Thôn Làng 11	1.164	1.112	95,5
12	Thôn Đức Thịnh	1.187	1.133	95,5
13	Thôn Đội 1	392	376	96
14	Thôn Kiên Minh	1.043	996	95,5
15	Thôn Thành Công	588	559	95
16	Thôn Thống Nhất	1.044	992	95
17	Thôn Xuân Thành	1.835	1.743	95
18	Thôn Thọ Liên	1.530	1.454	95
19	Thôn Thọ Phú	2.547	2.420	95
20	Thôn Minh Hòa	417	396	95
21	Thôn Minh Lải	400	380	95
22	Làng Mui	434	412	95
23	Làng Chu	640	608	95
24	Làng Hạ	491	468	95,5
25	Làng Cốc	803	763	95
26	Làng Thượng	424	403	95
II	Các trường			
1	Trường THPT Lê Lai	1.335	1.335	100
2	Trường TH&THCS Phùng Minh	325	325	100
3	Trường THCS Kiên Thọ	959	959	100

4	Trường THCS Phúc Thịnh	310	310	100
5	Trường TH Phúc Thịnh	372	372	100
6	Trường TH Kiên Thọ 2	444	444	100
7	Trường TH Kiên Thọ 1	632	632	100

Phụ lục 07:
GIAO CHỈ TIÊU TỶ LỆ LAO ĐỘNG NÔNG NGHIỆP
TRONG TỔNG LAO ĐỘNG NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026)

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2026		Tỷ lệ (%)
		Tổng số lao động nông nghiệp trong tổng lao động		
Toàn xã		Tổng số LĐ của thôn	Số LĐ trong nông nghiệp	50,4
1	Thôn Ba si	398	135	33,92
2	Thôn Đội 1	244	91	37,30
3	Thộ Đức Thịnh	593	268	45,19
4	Thôn Kiên Minh	593	277	46,71
5	Thôn 11	663	338	50,98
6	Thôn Thành Công	364	187	51,37
7	Thôn Thành Sơn	1,038	558	53,76
8	Thôn Thọ Liên	830	412	49,64
9	Thôn Thọ Phú	1,431	785	54,86
10	Thôn Thống Nhất	494	250	50,61
11	Thôn Xuân Thành	987	489	49,54
12	Thôn Ngã Ba	191	98	51,31
13	Thôn Trạc	341	175	51,32
14	Thôn Quên	337	175	51,93
15	Thôn Bái	238	131	55,04
16	Thôn Sòng	243	124	51,03
17	Thôn Cò Mót	248	125	50,40
18	Thôn Miềng	375	199	53,07
19	Thôn Bào	512	250	48,83
20	Thôn Chu	403	210	52,11
21	Thôn Cốc	493	250	50,71
22	Thôn Hạ	284	150	52,82
23	Thôn Minh Hòa	232	120	51,72
24	Thôn Thượng	259	147	56,76
25	Thôn Minh Lãi	248	132	53,23
26	Thôn Mui	262	124	47,33

Phụ lục 08:**GIAO CHỈ TIÊU TỶ LỆ GIA ĐÌNH CÓ NHÀ Ở ĐẠT CHUẨN**

(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026)

STT	Đơn vị	Số hộ	Số nhà đạt chuẩn	Tỷ lệ %
Tổng		4.897	4.711	96,20
1	Ba Si	196	196	100,00
2	Thọ Liên	340	331	97,35
3	Thành Sơn	415	395	95,18
4	Thành Công	138	134	97,10
5	Xuân Thành	407	384	94,35
6	Thống Nhất	239	235	98,33
7	Làng 11	262	244	93,13
8	Kiên Minh	233	227	97,42
9	Đức Thịnh	248	242	97,58
10	Đội 1	97	97	100,00
11	Thọ Phú	565	539	95,40
12	Làng Trạc	131	129	98,47
13	Làng Quên	125	122	97,60
14	Làng Bái	95	93	97,89
15	Làng Sòng	105	98	93,33
16	Làng Cò Mót	97	94	96,91
17	Làng Miềng	143	139	97,20
18	Làng Bào	194	184	94,85
19	Làng Ngã Ba	74	70	94,59
20	Thôn Chu	149	142	95,30
21	Thôn Hạ	104	98	94,23
22	Thôn Cốc	170	165	97,06
23	Thôn Thượng	99	94	94,95
24	Minh Hoà	93	89	95,70
25	Thôn Mui	95	91	95,79
26	Minh Lải	83	79	95,18

Phụ lục: 09

GIAO CHỈ TIÊU GIẢM NGHÈO NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội,
bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026)

STT	Đơn vị	Tổng số hộ tự nhiên (hộ)	Hộ nghèo rà soát cuối năm 2025 (theo chuẩn nghèo cũ giai đoạn 2021-2025)		Chỉ tiêu giao năm 2026				Ghi chú
			Số hộ	Tỷ lệ	Hộ nghèo giảm trong năm		Hộ nghèo còn lại		
					Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ	
Toàn xã		4.897	80	1,63	67	1,37	13	0,27	
1	Làng Ngã Ba	74	1	1,35		0	1	1,35	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới giai đoạn 2026-2030 chưa có số liệu đầu kỳ do năm 2025 chưa rà soát theo chuẩn mới, nên không đưa được chỉ tiêu giảm hàng năm
2	Làng Trạc	131	2	1,53	2	1,53	0	0,00	
3	Làng Quên	125	1	0,80	1	0,80	0	0,00	
4	Làng Bái	95	0	0,00		0,00	0	0,00	
5	Làng Sòng	105	4	3,81	3	2,86	1	0,95	
6	Làng Cò Mót	97	1	1,03		0,00	1	1,03	
7	Làng Miềng	143	2	1,40	1	0,70	1	0,70	
8	Làng Bào	194	3	1,55	2	1,03	1	0,52	
9	Ba Si	196	1	0,51	1	0,51	0	0,00	
10	Thành Sơn	415	10	2,41	9	2,17	1	0,24	
11	Làng 11	262	3	1,15	3	1,15	0	0,00	
12	Đức Thịnh	248	4	1,61	3	1,21	1	0,40	
13	Đội 1	97	0	0,00		0,00	0	0,00	
14	Kiên Minh	233	3	1,29	3	1,29	0	0,00	
15	Thành Công	138	3	2,17	3	2,17	0	0,00	
16	Thống Nhất	239	2	0,84	2	0,84	0	0,00	
17	Xuân Thành	407	9	2,21	8	1,97	1	0,25	
18	Thọ Liên	340	5	1,47	4	1,18	1	0,29	
19	Thọ Phú	565	14	2,48	13	2,30	1	0,18	
20	Minh Hòa	93	1	1,08	1	1,08	0	0,00	
21	Minh Lãi	83	2	2,41	1	1,20	1	1,20	
22	Mũi	95	2	2,11	1	1,05	1	1,05	
23	Chu	149	2	1,34	2	1,34	0	0,00	
24	Hạ	104	2	1,92	2	1,92	0	0,00	
25	Cốc	170	2	1,18	1	0,59	1	0,59	
26	Thượng	99	1		1	1,01	0	0	

Phụ lục 10:**GIAO CHỈ TIÊU CÔNG NHẬN DANH HIỆU GIA ĐÌNH VĂN HÓA, KHU DÂN CƯ VĂN HÓA NĂM 2026**

(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026)

TT	Tên đơn vị	Kế hoạch năm 2026	
		Chỉ tiêu công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa (%)	Chỉ tiêu công nhận danh hiệu Khu dân cư văn hóa (%)
Toàn xã		83	100
1	Làng Ngã Ba	77	x
2	Làng Trạc	82	x
3	Làng Quên	82	x
4	Làng Bái	84,1	x
5	Làng Sòng	83,7	x
6	Làng Cò Mót	83,4	x
7	Làng Miềng	81,7	x
8	Làng Bào	85	x
9	Ba Si	87,1	x
10	Thành Sơn	84,8	x
11	Làng 11	78,5	x
12	Đức Thịnh	79,7	x
13	Đội 1	89,5	x
14	Kiên Minh	83,8	x
15	Thành Công	80,4	x
16	Thống Nhất	79,4	x
17	Xuân Thành	78,3	x
18	Thọ Liên	86,1	x
19	Thọ Phú	83,6	x
20	Minh Hòa	86	x
21	Minh Lãi	85	x
22	Mũi	88	x
23	Chu	83	x
24	Hạ	83,2	x
25	Cốc	85	x
26	Thượng	84	x

Phụ lục 11:**GIAO CHỈ TIÊU TỶ LỆ HỘ DÂN ĐƯỢC DÙNG NƯỚC HỢP VỆ SINH**

(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026)

TT	Đơn vị	Kế hoạch năm 2026				
		Tổng số hộ (hộ)	Số hộ được dùng nguồn nước hợp vệ sinh (hộ)	Tỷ lệ số hộ được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (%)	Số hộ được sử dụng nguồn nước sạch tập trung	Tỷ lệ hộ được sử dụng nguồn nước sạch tập trung
Toàn xã		4749	4571	98	2929	61,6
1	Thôn Ba si	184	182	98,91	157	85,3
2	Thôn Đội 1	95	94	98,95	76	80
3	Thộ Đức Thịnh	232	225	93,97	132	56,9
4	Thôn Kiên Minh	225	212	94,22	147	65,3
5	Thôn 11	250	240	95,6	163	65,2
6	Thôn Thành Công	135	128	91,11	85	63
7	Thôn Thành Sơn	393	375	92,11	213	54,2
8	Thôn Thọ Liên	332	323	90,66	188	56,6
9	Thôn Thọ Phú	533	522	91,56	375	70,4
10	Thôn Thống Nhất	215	208	93,49	142	66
11	Thôn Xuân Thành	405	395	95,06	266	65,7
12	Thôn Ngã Ba	72	69	95,83	44	61,1
13	Thôn Trạc	127	119	93,7	81	63,8
14	Thôn Quên	124	117	94,35	79	63,7
15	Thôn Bái	96	92	95,83	61	63,5
16	Thôn Sòng	103	92	89,32	62	60,2
17	Thôn Cò Mót	97	93	95,88	78	80,4
18	Thôn Miềng	143	136	92,31	85	59,4
19	Thôn Bào	192	182	94,79	124	64,6
20	Thôn Chu	149	145	92,62	92	61,7
21	Thôn Cốc	173	168	94,22	110	63,6
22	Thôn Hạ	103	101	93,2	64	62,1
23	Thôn Minh Hòa	95	87	11,58		0
24	Thôn Thượng	100	96	0		0
25	Thôn Minh Lãi	81	75	92,59	53	65,4
26	Thôn Mui	95	95	91,58	52	54,7

Phụ lục 12:
GIAO CHỈ TIÊU TỶ LỆ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT ĐƯỢC
THU GOM, XỬ LÝ NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026)

TT	Đơn vị	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
Chỉ tiêu đạt được của xã (%)		87%	
1	Làng Ngã Ba	85	
2	Làng Trạc	85	
3	Làng Quên	85	
4	Làng Bái	85	
5	Làng Sòng	85	
6	Làng Cò Mót	86	
7	Làng Miềng	85	
8	Làng Bào	86	
9	Ba Si	90	
10	Thành Sơn	85	
11	Làng 11	85	
12	Đức Thịnh	85	
13	Đội 1	85	
14	Kiên Minh	85	
15	Thành Công	85	
16	Thống Nhất	85	
17	Xuân Thành	86	
18	Thọ Liên	86	
19	Thọ Phú	86	
20	Minh Hòa	84	
21	Minh Lãi	84	
22	Mui	84	
23	Chu	84	
24	Hạ	84	
25	Cốc	84	
26	Thượng	84	

Phụ lục 13:**GIAO CHỈ TIÊU DIỆN TÍCH, NĂNG XUẤT CÁC CÂY TRỒNG CHỦ YẾU NĂM 2026***(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026)**Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị thôn, làng	Tổng diện tích	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Lúa			Ngô			Lạc			Mía			Sắn			Rau đậu các loại	Cây trồng khác
				Diện tích	Năng suất	Sản lượng	Diện tích ngô	Năng suất	Sản lượng	Diện tích	Năng suất	Sản lượng	Diện tích	Năng suất	Sản lượng	Diện tích	Năng suất	Sản lượng		
Tổng		2.998	8.552	1.023	59,4	6.075	450	55,03	2.476	92,0	21,0	193,2	442	710	31.382	350	210	7.350	310	331
1	Chu	168,2	527,8	37,0	60,0	222,0	55,5	55,1	305,8	7,5	21	15,8	37	720	2.664,0	2	210	42,0	18,2	11,0
2	Cốc	125,1	458,7	26,0	60,3	156,7	55,0	54,9	302,0	5,5	21	11,6	6	720	432,0	6	210	126,0	14,6	12,0
3	Hạ	69,1	260,5	32,4	60,0	194,4	12,0	55,0	66,1	1,5	21	3,2	6,5	710	461,5	3	210	63,0	7,2	6,5
4	Thượng	57	189,5	23,0	59,6	137,1	9,5	55,2	52,4	0,0	21	0,0	5	710	355,0	8	210	168,0	6,0	5,5
5	M. Hòa	87	135,6	12,6	59,5	75,0	11,0	55,1	60,6	1,5	21	3,2	40	720	2.880,0	6	210	126,0	6,4	7,5
6	M. Lái	87,9	231,2	15,0	59,3	88,9	26,0	54,7	142,3	6,5	21	13,7	16	720	1.152,0			0,0	13,6	10,8
7	Mũi	66,6	214,3	17,6	59,3	104,3	20,0	55,0	110,0	3,5	21	7,4	8	720	576,0			0,0	10,3	7,2
8	Ngã Ba	52,9	130,2	14,5	59,5	86,3	8,0	54,9	43,9	0,5	21	1,1	4	700	280,0	12	210	252,0	7,0	6,9
9	Trạc	108,2	289,7	36,0	59,3	213,3	13,8	55,3	76,4	1,0	21	2,1	5	700	350,0	34	210	714,0	9,4	9,0
10	Quên	106,7	215,6	29,4	59,3	174,2	7,5	55,2	41,4	0,5	21	1,1	15	700	1.050,0	38	210	798,0	8,7	7,6
11	Bái	62,8	132,8	18,0	58,5	105,3	5,0	55,0	27,5	0,0	21	0,0	6	700	420,0	23	210	483,0	5,5	5,3
12	Sòng	63	194,2	28,0	58,5	163,8	5,5	55,3	30,4	0,0	21	0,0	3,5	700	245,0	14	210	294,0	5,2	6,8
13	Cò Mót	78,4	217,1	32,0	59,3	189,6	5,0	55,0	27,5	1,5	21	3,2	6	700	420,0	25	210	525,0	4,5	4,4
14	Miềng	191,9	516,7	33,0	58,5	193,1	59,0	54,8	323,6	16,0	21	33,6	33,5	715	2.395,3	3	210	63,0	21,8	25,6

15	L Bào	142,7	304,1	36,0	58,5	210,6	17,0	55,0	93,5	3,5	21	7,4	1,5	710	106,5	58	210	1.218,0	10,4	16,3
16	Thọ Phú	185,1	414,6	51,4	59,8	307,1	19,5	55,1	107,5	5,5	21	11,6	45	715	3.217,5	25	210	525,0	15,7	23,0
17	Đội I	26,5	11,2	0,0	0,0	0,0	2,0	56,0	11,2	0,0	21	0,0	11	720	792,0		210	0,0	5,3	8,2
18	Đức Thịnh	167,3	536,6	77,0	59,4	457,4	14,3	55,4	79,2	4,5	21	9,5	20	710	1.420,0	20	210	420,0	16,8	14,7
19	Kiên Minh	128,9	393,0	51,0	59,6	304,0	16,1	55,3	89,0	3,5	21	7,4	4	700	280,0	20	210	420,0	17,8	16,5
20	Ba Si	0		0,0	0,0	0,0	0,0			0,0	21	0,0			0,0			0,0	0,0	0,0
21	Thành Sơn	208,2	782,6	114,0	60,0	684,0	17,9	55,1	98,6	4,5	21	9,5	10	710	710,0	23	210	483,0	22,3	16,5
22	Thọ Liên	103,8	384,0	51,1	59,5	304,0	14,5	55,1	80,0	5,5	21	11,6			0,0			0,0	21,2	11,5
23	Thành Công	102,6	256,3	32,0	59,0	188,8	12,2	55,3	67,5	3,0	21	6,3	7	700	490,0	12	210	252,0	14,9	21,5
24	Xuân Thành	226,4	739,3	108,0	59,5	642,6	17,5	55,2	96,7	4,5	21	9,5	30	710	2.130,0	18	210	378,0	20,4	28,0
25	Làng 11	203,5	488,9	71,0	59,8	424,2	11,7	55,3	64,7	4,5	21	9,5	77	715	5.505,5			0,0	15,0	24,3
26	Thống nhất	180,2	540,8	77,0	59,8	460,5	14,5	55,4	80,3	7,5	21	15,8	45	715	3.217,5			0,0	11,8	24,4

Phụ lục 14:**GIAO CHỈ TIÊU CÔNG NHẬN TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA NĂM 2026**

(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Hình thức công nhận		Thời điểm công nhận
		Công nhận mới	Công nhận lại	
1	Trường Mầm non Phúc Thịnh		x	2026
2	Trường Tiểu học Phúc Thịnh		x	2026

Phụ lục 15:**GIAO CHỈ TIÊU CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT LẦN
ĐẦU NĂM 2026**

*(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội,
bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026)*

Đơn vị tính: hồ sơ

TT	Đơn vị	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
Chỉ tiêu đạt được của xã		90	
1	Làng Ngã Ba	2	
2	Làng Trạc	2	
3	Làng Quên	2	
4	Làng Bái	2	
5	Làng Sòng	2	
6	Làng Cò Mót	2	
7	Làng Miềng	2	
8	Làng Bào	2	
9	Ba Si	3	
10	Thành Sơn	6	
11	Làng 11	4	
12	Đức Thịnh	4	
13	Đội 1	4	
14	Kiên Minh	4	
15	Thành Công	4	
16	Thống Nhất	4	
17	Xuân Thành	5	
18	Thọ Liên	4	
19	Thọ Phú	6	
20	Minh Hòa	3	
21	Minh Lãi	3	
22	Mui	6	
23	Chu	5	
24	Hạ	3	
25	Cốc	3	
26	Thượng	3	

Phụ lục 16:

GIAO CHỈ TIÊU TRỒNG HÀNG RÀO XANH ĐỐI VỚI CÁC THÔN, LÀNG
*(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội,
bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026)*

Đơn vị tính: km

STT	Đơn vị	Tổng chiều dài hàng rào xanh đã trồng đến 31/12/2025 (km)	Diện tích còn lại chưa trồng (km)	Chỉ tiêu năm 2026 (km)		Ghi chú
				Số km trồng năm 2026	Loại giống cây	
1	Thọ Phú	2.5	1.04	0.30	Chè mạn	
2	Đội 1	1.9	1.20	0.30	Chè mạn	
3	Đức Thịnh	2.7	1.20	0.30	Chè mạn	
4	Kiên Minh	2.4	1.40	0.32	Chè mạn	
5	Ba Si	0.2	1.00	0.20	Chè mạn	
6	Thành Sơn	3.4	6.24	1.30	Chè mạn	
7	Thọ Liên	2.5	1.85	0.50	Chè mạn	
8	Thành Công	2.0	1.60	0.40	Chè mạn	
9	Xuân Thành	2.7	6.00	1.50	Chè mạn	
10	Thôn 11	2.3	2.40	0.60	Chè mạn	
11	Thống nhất	1.6	3.60	0.90	Chè mạn	
12	Làng Ngã Ba	2.8	2.23	0.60	Chè mạn	
13	Làng Trạc	3.1	3.39	0.80	Chè mạn	
14	Làng Quên	2.8	3.90	0.90	Chè mạn	
15	Làng Bái	4.0	1.38	0.40	Chè mạn	
16	Làng Sòng	2.1	1.24	0.30	Chè mạn	
17	Làng Cò Mót	4.1	2.22	0.60	Chè mạn	
18	Làng Miềng	2.4	2.85	0.70	Chè mạn	
19	Làng Bào	5.4	2.41	0.60	Chè mạn	
20	Làng Chu	1.8	1.40	0.40	Chè mạn	
21	Làng Cốc	4.2	2.80	0.65	Chè mạn và Dâm bụt	
22	Làng Hạ	2.2	1.50	0.45	Chè mạn và Dâm bụt	
23	Làng Thượng	2.2	2.21	0.60	Chè mạn	
24	Thôn Minh Hòa	1.9	1.65	0.50	Chè mạn và Dâm bụt	
25	Thôn Minh Lái	3.4	2.85	0.70	Chè mạn	
26	Làng Mui	2.1	2.36	0.60	Chè mạn và Dâm bụt	
Tổng		68.71	61.93	15.42		

**GIAO CHỈ TIÊU TRỒNG HÀNG RÀO XANH
ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

*(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội,
bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026)*

Đơn vị tính: m

TT	Đơn vị	Tổng chiều dài hàng rào xanh đã trồng đến 31/12/2025 (m)	Diện tích còn lại chưa trồng (m)	Chỉ tiêu trồng năm 2026 (m)	Loại giống cây
1	Trường THPT Lê Lai	200	-	-	Chè mạn
2	Trường THCS Kiên Thọ	400	200	100	Chè mạn
3	Trường Tiểu học Kiên Thọ 1	100	90	40	Chè mạn
4	Trường Tiểu học Kiên Thọ 2	280	200	200	Chè mạn
5	Trường Mầm Non Kiên Thọ	305	65	65	Chè mạn
6	Trạm Y tế Kiên Thọ	70	60	40	Chè mạn
7	Trường THCS Phúc Thịnh	200	200	100	Mất ngọc
8	Trường Tiểu học Phúc Thịnh	74	46	46	Chè mạn
9	Trường Mầm Non Phúc Thịnh	46	-	-	Chè mạn
10	Trạm Y tế Phúc Thịnh	170	60	20	Chè mạn
11	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phùng Minh	190	60	20	Chè mạn
12	Trường Mầm Non Phùng Minh	150	-	-	Chè mạn
13	Trạm y tế Phùng Minh	25	-	-	Chè mạn
Tổng cộng		2.110	981		

Phụ lục 17:**GIAO CHỈ TIÊU VẬN ĐỘNG NHÂN DÂN HIẾN ĐẤT MỞ RỘNG ĐƯỜNG
GIAO THÔNG NÔNG THÔN**

*(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội,
bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026)*

Đơn vị tính: km

TT	Đơn vị	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
Chỉ tiêu đạt được của xã		2,05	
1	Làng Ngã Ba		
2	Làng Trạc	0,25	
3	Làng Quên		
4	Làng Bái		
5	Làng Sông		
6	Làng Cò Mót	0,3	
7	Làng Miêng	0,3	
8	Làng Bào		
9	Ba Si		
10	Thành Sơn		
11	Làng 11		
12	Đức Thịnh		
13	Đội 1	0,3	
14	Kiên Minh		
15	Thành Công	0,3	
16	Thống Nhất		
17	Xuân Thành		
18	Thọ Liên		
19	Thọ Phú		
20	Mình Hòa	0,2	
21	Mình Lải	0,2	
22	Mũi		
23	Chu	0,2	
24	Hạ	0,15	
25	Cốc	0,15	
26	Thượng		

Phụ lục 18a:
GIAO CHỈ TIÊU NẠO VẾT, KHƠI THÔNG CÔNG RÃNH, PHÁT
HÀNH LANG GIAO THÔNG NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026)

TT	Tên công trình	Tổng chiều dài (km)	Khối lượng (m³)			Số ngày công huy động
			Tổng	Đào đắp thủ công	Đào đắp cơ giới	
		(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)
1	Làng Hạ					
	Nạo vét rãnh đường từ nhà VH thôn đến nhà Ông Thành	0.4	60	60		40
2	Làng Thượng					
	Khơi thông cống rãnh từ nhà Bà Chiu đến anh Dự	0.38	50	50		120
	Khơi thông cống rãnh từ nhà anh Tâm đến bà Thủy	0.5	65	65		170
	Khơi thông cống rãnh từ nhà anh Vân đến anh Hùng	0.2	45	45		90
3	Làng Mui					
	Từ đường xã đến nhà ô Cường	0.3	80	80		200
4.	thôn Minh Lãi					
	Nạo vét rãnh đường từ nhà VH thôn đến nhà Ông Xuân	0.4	20	20		40
5	thôn Minh Hòa					
	Nạo vét rãnh đường từ nhà Ông Thắng đến nhà Ô Tuấn	0.9	45	30	15	220
	Nạo vét rãnh đường từ nhà Ông Dũng đến nhà Ông Phòng	40	14	14		120
6	Làng Cốc					
	Phát quang hành lang từ nhà ông Hà chính đến Dốc Chu	1.6				180
	Phát quang hành lang từ nhà ông Hùng Thiết đến nhà ông Trần Văn Ngôn	1.2				150
7	Làng Chu					
	Từ cổng làng đến cánh đồng máy	1.6	50	50		250
8	Làng Trạc					
	Từ Ông Thủy đi ông Tâm	1.5	30	30		150

	Từ Ông Hòa đến ông Dũng	1.2	40	40		180
9	Làng Quên					
	Từ cổng nhà VH đến làng Trạc	0.9	35	35		90
10	Làng Bái					
	Nạo vét rãnh đường từ nhà ông đến nhà ông Vĩnh đi ông Chiều	0.3	35	35		80
	Nạo vét rãnh đường từ cổng làng đi ông Mẫn	0.1	12	12		60
	Nạo vét tuyến đường ông Thành đi ông Tiên	0.2	20	20		35
11	Làng Sòng					
	Phát quang hành lang từ nhà VH đến làng Quên	0.4				
12	Làng Cò Mót					
	Từ UBND xã đi Nhà máy Sắn	0.7	35	35		150
	Từ Ông Hoan đi Cầu cây Sung	0.8	42	40		170
13	Làng Miềng					
	Phát quang hành lang từ cầu cây Sung đến nhà Ông Ước	1.2				150
	Phát quang hành lang từ nhà Ông Chi đến nhà Ông Tỳ	1				140
14	Làng Bào					
	Phát quang hành lang từ sân vận động đi trạm y tế	1.2				150
	Phát quang hành lang từ nhà VH đi bàn đa	1				90
15	Làng 11					
	Nạo vét rãnh đường từ nhà ông đến nhà ông Bùi văn Nhất đến nhà bà Nguyễn Thị Ân	2.7	80	80		100
	Nạo vét rãnh đường từ nhà ông đến nhà ông Bùi Tuyết đến nhà ông Bùi Văn Ngọc	1.5	50	50		50
	Phát quang hành lang đường từ nhà ông Bùi Ngọc Tuyết đến nhà ông Bùi Văn Ngọc	1.8				50
	Phát quang hành lang đường từ nhà ông Bùi Ngọc Tuyết đến nhà ông Phạm Đức Tính	0.3				15
	Phát quang hành lang đường từ nhà ông Nguyễn Chí Hải đến nhà ông Nguyễn Chí Bình	0.3				20
	Phát quang hành lang đường từ nhà ông Nguyễn Chí Hải đến nhà ông Trương Thị Kính	0.3				20

16	Thọ Phú					
	Phát quang hành lang từ đường HCM đến nhà máy Sắn	1.3				150
17	Thọ Liên					
	Tuyên từ hộ ông phạm văn nhân ba si đến hộ ông đình công vinh	0.45	9	9		37
	Tuyên từ hộ ông bùi trọng đại đến hộ ông phạm công hắc	0.45	11		11	
	Tuyên từ hộ ông toàn lệ đến hộ ông hà công tuyên	0.6	15	15		12
	Tuyên từ hộ ông lê đức thịnh đến hộ ông bùi văn hạ	1.2	35		35	
18	Đức Thịnh					
	Nạo vét rãnh, đắp lề đường từ ông Nguyễn Văn Dũng đến ông Lê Trọng Dũng	0.8	120		120	
	Nạo vét rãnh, đắp lề đường từ ông Hà đến bà Thường	3	15		15	
	Kiên Minh					
	Giao thông nội đồng từ ô Dụng đến bờ kênh	0.3	30	30		150
20	Thành Sơn					
	Phát quang hành lang Từ nhà ông Thành Triệu đến nhà VH	1.2				90
21	Thành Công					
	Phát quang hành lang từ Nhà VH đến kênh bắc	1				110
	Phát quang hành lang từ Nhà VH đến Xuân Thành	1.2				130
22	Xuân Thành					
	Đào đắp thuyền đường từ nhà Bà Phú đến ông Trịnh Đình Hòa	0.8	90		90	
23	Thống nhất					
	Phát quang hành lang từ nhà Ông Dân đến nhà ông Quang	0.4				30
	Phát quang hành lang từ nhà Ông Tươi đến nhà ông Huy	0.25				20
	Phát quang hành lang từ nhà Ông Hùng đến nhà bà Hợi	0.4				30
	Phát quang hành lang từ nhà Ông Tuệ đến xứ Đồng Bèo	0.6				70
24	Làng Ngã Ba					
	Phát quang hành lang từ nhà ông Nam đến làng Hạ	0.9				120
	Tổng cộng	79.73	1133	845	286	4229

Phụ lục 18b**GIAO CHỈ TIÊU NẠO VẾT KÊNH MUƠNG, HỒ, ĐẬP NĂM 2026**

(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026)

TT	Tên công trình	KÊNH DO XÃ QUẢN LÝ				
		Tổng chiều dài (km)	Khối lượng (m³)			Số ngày công huy động
			Tổng	Đào đắp thủ công	Đào đắp cơ giới	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)
1	Thôn 11					
	Tuyến từ đập Vân Thanh đến cống đường vào Ngọc luống Làng Thống Nhất	2.5	150	150		90
	Tuyến từ Hồ Long Thành,Gò ma Trơ đi Thống Nhất	0.8	64	64		45
	Tuyến Chân Hồ Khảm đến Hồ Khảm	0.2	32	32		30
	Tuyến Hồ Chùa đi Cây Trâm	0.3	37	37		30
2	Thôn Xuân Thành	3.8				
	Từ Vó Bồn đến kênh Bắc	2	238	238		326
3	Thành Công					
	cây găng đến bụi bương	0.22	237	237		326
4	Thọ Liên					
	Từ cống nhà ông Mào đến đập Bai Ngọc	0.5	45	45		80
	Đắp đập Bai Ngọc và Đập Bai Phếu	0.5	45	45		80
5	Thành Sơn	1				
	Từ nhà ông Thứ đến hồ mới	0.5	52	52		85
	Từ Hồ Nam đến Làng Trám	2.7				565
	Từ Ông Kiều đi bà Ấm	0.2	10	10		40
6	Kiên Minh	3.4				
	Từ đập Kiên Trí đến bờ khe	0.9	145	145		220
	Từ Bờ kênh bắc đến nhà ông Phong	1	155	155		240
7	Đức Thịnh	1.9				
	Từ nhà ông Ân đến nhà ông Sinh	0.3	80	80		75
	Từ nhà ông Tươi đến nhà ông Lam	0.7	110	110		85
	Từ nhà ông Cảnh đến nhà ông Tứ	0.5	105	105		80
8	Thọ Phú	1.5				
	Từ đập đồng Quyền đến xứ đồng xá Hiệu	0.5	75	75		120
9	Thôn Thống Nhất					
	Từ Gò Ma Trơ đến Đồng Bèo	2.7	182	182		170
	Từ Đồng Bún đến Đồng Đầm, Đồng Quan	2.5	155	155		150
	Từ đập ông Lai đến đầm Con dài	0.17	45	45		30

	Từ công đồng ngô đến vũng cây đu	0.1	28	28		20
	Tuyến đồng Quạt đi Xuân Thiên	1.2	195	195		255
	Tuyến Đồng Bèo, đồng Bến đi đồng Cổ Xuân Thiên	1.5	212	212		280
10	Làng Cốc	8.17				
	Kênh 1 thuộc hồ làng Cốc	1.4	105	105		90
11	Làng Hạ					
	Kênh từ ruộng bà Niên đến làng Thượng	0.45	55	55		40
	Kênh từ ruộng Con Sào đến ruộng ông Mạnh	0.3	40	40		35
	Tuyến từ đồng Lầy đến Cửa Mả	0.5	60	60		50
12	Làng Thượng	1.25				
	Tuyến từ Ông Quyết đến con Đồm	0.98	150	150		130
	Tuyến từ Con Thực đi Con Chùa	1.9	250	250		320
13	Thôn Minh Hòa	2.88				
	Từ Lương Bình đến nhà Ông Điện	1	20	20		80
	Từ Minh Thượng đến nhà Ông Dũng Hằng	0.5	15	15		60
14	Làng Mui	1.5				
	Kênh 1 thuộc hồ Rộc Đầm	1.4	130	130		95
15	Làng Chu					
	Kênh Hồ Chu	0.7	82	82		75
16	Làng Ngã Ba					
	Tuyến từ ông Ninh đến ông Cẩn	0.4	25	25		40
	Tuyến từ bà Thanh đến ông Hiệp	0.3	20	20		30
17.	Làng Quên	0.7				
	Mương Ngọc Bến	0.1	10	10		20
18	Làng Sòng					
	Từ Ông Lương đến Ông Thiết	0.4	25	25		80
	Từ Cây Sớ đến Bà Mùi	0.3	15	15		60
19	Cò Mót	0.7				
	Từ nhà Ông Hoan đến nhà Ông Tài	0.5	12	12		40
20	Làng Miềng					
	Từ cầu Cây Sung đi Ông Ợt	1.2	30	30		60
	Từ Hồ Ngọc Quân đi Ông Đình	0.3	15	15		40
	Từ Hồ Ngọc Quân đi Ông Tấn	0.8	18	18		40
21	Làng Bào	2.3				
	Hồ Ngọc Ken đến ông Huân	0.5	12	12		30
	Tổng số	65.52	3486	3486		4837

Phụ lục 19:**CHỈ TIÊU NGƯỜI DÂN TRƯỞNG THÀNH CÓ CHỮ KÝ SỐ NĂM 2026**

(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2026)

TT	Thôn, làng	Tổng số nhân khẩu	Nhân khẩu trưởng thành	Dự kiến tỷ lệ có chữ ký số (%)	Ghi chú
1	Thôn Ba si	773	578	35.47	
2	Thôn Đội 1	391	286	34.78	
3	Thộ Đức Thịnh	1,187	874	35.35	
4	Thôn Kiên Minh	1,043	743	35.80	
5	Thôn 11	1,164	848	35.14	
6	Thôn Thành Công	588	444	35.14	
7	Thôn Thành Sơn	1,988	1,425	35.23	
8	Thôn Thọ Liên	1,530	1,109	35.62	
9	Thôn Thọ Phú	2,547	1,809	35.99	
10	Thôn Thống Nhất	1,044	741	35.36	
11	Thôn Xuân Thành	1,835	1,354	35.38	
12	Thôn Ngã Ba	354	265	34.72	
13	Thôn Trạc	569	436	35.78	
14	Thôn Quên	584	435	35.40	
15	Thôn Bái	395	286	35.31	
16	Thôn Sòng	451	336	35.42	
17	Thôn Cò Mót	435	306	35.95	
18	Thôn Miềng	622	453	34.88	
19	Thôn Bào	843	600	35.83	
20	Thôn Chu	640	456	35.31	
21	Thôn Cốc	803	568	35.04	
22	Thôn Hạ	491	344	35.17	
23	Thôn Minh Hòa	417	310	35.81	
24	Thôn Thượng	399	298	34.90	
25	Thôn Minh Lãi	400	273	35.90	
26	Thôn Mui	434	308	35.71	
	Tổng cộng	21,953	15,885	35.40	

